

CÔNG HẠNH, VĂN CHƯƠNG VÀ TƯ TƯỞNG CỦA ĐẠI SƯ AN THIÊN PHÚC ĐIỀN



Việc tìm hiểu về tiểu sử hành trạng, tư tưởng và văn chương của đại sư An Thiên Phúc Điền cho phép ta hình dung trước mắt một vị lão tăng suốt đời tu hành, cặm cụi nghiên tầm kinh điển, miên mật hành trì với chí nguyện lớn lao là đem những hiểu biết của mình đóng góp cho sự an lạc của chúng dân.

1. Hành trạng của đại sư An Thiên Phúc Điền (1784 - 1863)

Trong hơn nửa thế kỷ qua, giới nghiên cứu vẫn băn khoăn về thân thế của Thiền sư Phúc Điền, không rõ Thiền sư Phúc Điền và Sa môn An Thiên là một người hay hai người. Cho đến năm 2002, trong Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam tập 3, Học giả Lê Mạnh Thát đã khẳng định Sa môn An Thiên chính là Hòa thượng Phúc Điền.

Trong khoảng gần hai chục năm trở lại đây, qua một số bài nghiên cứu, các bản khóa luận tốt nghiệp cử nhân, các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, nhiều người đã thêm luận cứ chứng minh rồi sau đó nhiều người đã nhìn nhận rằng Sa môn An Thiên và Hòa thượng Phúc Điền đều là danh xưng của một người(1).

Hành trạng của Hòa Thượng Phúc Điền càng sáng rõ hơn:

Thiền sư Phúc Điền (福田) sinh vào tháng 7 năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng năm 45 (1784) dưới đời vua Lê Hiển Tông, thế danh không rõ, nhưng được biết thân phụ của ngài họ Vũ, và thân mẫu của ngài họ Lê; ngài là người thôn Trường Thịnh, xã Bạch Sam, huyện Sơn Minh, phủ Ứng Hòa (nay thuộc xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội). Năm ngài được 12 tuổi (1795), ngài xuất gia học đạo với Thiền sư Viên Quang Hải Tiềm tại chùa Đại Bi (chùa Sét). Sau khi sư Hải Tiềm viên tịch, ngài sang chùa Phúc Thung cầu thọ giới Sa di với Hòa thượng Từ Phong Hải Quýnh, lúc đó ngài được 15 tuổi (1798). Hòa thượng Hải Quýnh ban cho ngài pháp danh Tịch Tịch. Năm 20 tuổi (1803, năm thứ hai đời vua Gia Long), ngài sang chùa Pháp Vân xã Phú Ninh cầu tổ Từ Quang Tịch Giảng xin được thọ Tỳ kheo Bồ tát giới và được ban pháp danh An Thiên.

Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), bấy giờ đã 51 tuổi, ngài vào kinh đô Huế dự kỳ sát hạch tăng sĩ, được triều đình ban giới đao và độ điệp, lúc này ngài được tặng sắc hiệu Phúc Điền Hòa thượng. Trong lúc ở Huế, ngài đã bỏ nhiều thời gian đến viếng thăm, tìm hiểu các ngôi chùa ở miền Trung và miền Nam, thu thập được nhiều tư liệu về tình hình Phật giáo đương thời. Cũng chính trong thời gian này, một số nho sĩ tại đây đã thụ giáo ở ngài, nhận là tục gia đệ tử. Những vị này đã chịu ảnh hưởng tư tưởng của ngài để sau này hết lòng giúp ngài trong việc trước tác, dịch thuật và ấn loát các tác phẩm Phật giáo.

Sau khi trở về Bắc, ngài tích cực tham gia vào các hoạt động tu bổ chùa chiền, thu thập tài liệu lịch sử, biên soạn dịch giải ấn loát kinh sách, giáo hóa đồ chúng. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), ngài được mời về trùng tu và trụ trì chùa Đại Giác xã Bồ Sơn, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc thôn Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Công việc của ngài được thuận lợi nhờ sau đó, vào năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), một vị đại thần triều Nguyễn là Nguyễn Đăng Giai được bổ về làm Tổng đốc Ninh Thái (Bắc Ninh và Thái Nguyên) là một nhà nho mộ Phật từng biết đến ngài khi ngài còn ở Huế, đã hết lòng ủng hộ ngài. Tại đây ngài bắt đầu biên soạn và ấn tống kinh sách.

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), ngài tu bổ chùa Phú Nhi, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây. Năm Tự

Đức nguyên niên (1848), lại nhờ sự giúp đỡ Nguyễn Đăng Giai, bấy giờ đã là Thượng thư bộ Hình kiêm Quốc sử quán Tổng tài, ngài đứng ra kiến tạo chùa Liên Trì huyện Thọ Xương, Hà Nội, có quy mô to lớn bậc nhất Hà Thành lúc bấy giờ. Liên Trì sau đó cũng trở thành trung tâm ẩn loát kinh sách. Hiện nay bên bờ hồ Hoàn Kiếm còn lại ngôi tháp Hòa Phong, vốn là di tích của chùa Liên Trì. Năm Tự Đức thứ 7 (1854), nhận lời mời của sư tổ Phổ Minh, ngài sang kế tục trụ trì chùa Liên Phái, tích cực khuyến hóa thập phương trùng tu chùa. Đây cũng là nơi ngài sống những ngày cuối đời mình. Ngài viên tịch năm Tự Đức thứ 16 (1863), thọ 80 tuổi.

Từ khi xuất gia cho đến lúc viên tịch, gần 70 năm, ngài đã đi nhiều nơi, đến nhiều chùa. Hầu hết các chùa ở đồng bằng Bắc bộ đều in dấu chân của ngài. Đến đâu, ngài cũng nghĩ cách tu tạo chùa tháp, phân phát kinh sách, giảng giải thiền điển, đào tạo tăng ni; trong đó, đóng góp lớn nhất phải kể đến hệ thống tư liệu Phật giáo Việt Nam do chính ngài thu thập, sưu tầm và biên tập.

Ngài viết rất nhiều sách và sách của ngài thuộc nhiều thể loại khác nhau. Hoạt động của ngài cho thấy ngài có thiên hướng lịch sử và giáo dục. Những trước tác của ngài cũng như những tài liệu ngài công bố đều có giá trị thiết thực trong việc khuyến khích lòng từ bi, gợi lòng khao khát hiểu biết về những người đi trước và noi theo tiền nhân.

Bàn về tư tưởng của Thiền sư Phúc Điền, Lịch sử Phật giáo Việt Nam (1988) do Giáo sư Nguyễn Tài Thư chủ biên có nêu, “Phúc Điền không bàn nhiều đến tư tưởng, nhưng qua tác phẩm của ông, ta vẫn thấy tinh thần tư tưởng của ông. Đó là tinh thần dung hợp, tinh thần thừa nhận tất cả các quan điểm của các học thuyết, các tôn giáo, các tông phái, bất luận là chúng có thực như thế nào...” và “...tinh thần dung hợp của Phúc Điền còn thể hiện trong việc chấp nhận cả Thiền, Tịnh, Mật, không phân biệt đối xử. chỗ nào sử dụng Phật pháp nào có lợi thì sử dụng, không nề hà”.

Trong Luận văn thạc sĩ năm 1988 “Tìm hiểu lịch sử Phật giáo Việt Nam qua bản Đạo giáo nguyên lưu của Hòa thượng Phúc Điền” của Thích Minh Tâm, tác giả nhấn mạnh đến việc lúc sinh thời, “...ngài Phúc Điền rất quan tâm đến việc đào tạo tăng tài. Nhờ vào sự trợ duyên của Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai, Hòa thượng cho xây dựng nhiều ngôi chùa lớn có qui mô hàng trăm gian vừa là nơi khắc in kinh sách để hoằng dương chính pháp, vừa là nơi cho chư tăng trong Sơn môn tu tập. Hòa thượng còn biên soạn hàng chục bộ sách dùng làm tài liệu học tập cho chư tăng, đồng thời còn đứng ra tổ chức khắc ván in kinh ở các chùa Đại Giác, Đại Quang, Liên Trì Hải Hội, Liên Tông. Hiện nay trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm và thư viện chùa Quán Sứ Hà Nội còn lưu giữ được 30 đầu sách được in ở các cơ sở in nêu trên”.

Cuối đời, ngài có để lại một bài kệ như là một tổng kết về cuộc đời và tư tưởng của mình:

*Âm: Các thuyết trần ngộ nhập
Dĩ ngộ hoạch viên thông
Đạo ngoại nguyên vô đạo
Không trung cánh bất không
Vu kim truyền chính pháp*

*Tự tích diễn chân tông
Dĩ vô sở đắc cố
Bất tại cá ngôn trung*

*Nghĩa: Các thuyết đều giải bày sự giác ngộ của mình
Lấy giác ngộ để đạt tới sự viên thông
Bên ngoài đạo thì vốn không có đạo
Trong không thì càng không phải là không
Như nay truyền bá chính pháp
Là kéo dài chân tông tự ngày xưa
Do vô mà thu được
Không phải là ở lời nói(2).*

2. Các tác phẩm của Thiền sư An Thiên Phúc Điền

Như trên đã nói, Thiền sư Phúc Điền viết nhiều sách, những sách mà ngài chủ trương ấn loát thuộc về nhiều thể loại.

Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam (Tổng tập VHPGVN) cho biết: Trong bài tựa Quốc âm tiểu luận viết ở đầu sách Khóa hư giải âm, chính ngài Phúc Điền đã ghi 34 bộ kinh sách Phật giáo do ngài dịch quốc âm và được một nhóm trưởng lão lo liệu việc khắc bản ấn loát từ 1840 đến

Kim Cương kinh	1 quyển
Di Đà kinh	1 quyển
Quy Sơn cảnh sách	2 quyển
Sa di sở	2 quyển
Thiền lâm bảo huấn	4 quyển
Đại Đường Từ Ân xuất gia châm	1 thiên
Di Sơn đại sư phát nguyện	1 văn
Vân Thế đại sư phát nguyện	1 văn
Trúc song	3 quyển
Hộ pháp luận	1 quyển
Khóa hư lục	3 quyển
Thái căn đàm	1 quyển
Tam giáo nhất nguyên	1 quyển
Nhân sinh nhất đản	1 văn
Bán điểm	1 văn
Hàn lâm sở	1 quyển
Vương thị cảnh thế lương ngôn	1 thiên
Tân soạn Thích giáo chân ngôn	1 thiên
Tiên nho công luận	1 thiên
Thượng đường quốc ngữ	1 thiên
Phụng Phật Tô đối liễu kỹ cú	
Hoa Nghiêm phương san kinh	82 quyển
Giải hoặc thượng hạ	2 quyển
Tam giáo quán khuy Nho Thích Đạo	3 tập
Truyền đăng Phật Tô	5 quyển
Phật Tô thống chí	
Cổ bản phạn giáp	54 quyển
Kim vi phương sam	20 quyển
Tại gia tu trì	
Đạo giáo nguyên lưu	2 quyển
Tiểu Du già	1 quyển
Lễ thiên địa tướng tinh cập âm hồn bài vị	22 bài
Trùng khắc đại giới điệp	1 trương
Tân biên ngũ giới thập giới điệp	1 trương

1861, gồm:

Tổng tập VHPGVN cũng cho biết đã sưu tập được một số tác phẩm trong đó có Đạo giáo nguyên lưu ba quyển, Tân tập tại gia nhật dạ tu trì nghi thức một quyển, Phóng sinh giới sát văn một tập, Tiểu Du già, Hàn lâm sở... nhưng tất cả đều bằng Hán văn.

a. Ngài đặc biệt quan tâm đến những bộ sách do người Việt Nam biên soạn, nên đã chú ý việc diễn giải sách Khóa hư lục của Hoàng đế Trần Thái Tông, sách Tam giáo nhất nguyên của Trạng nguyên Trịnh Tuệ đời Lê. Do số lượng tác phẩm của ngài đa dạng, ở đây chúng ta tìm hiểu hai tác phẩm hai tác phẩm là Thiền uyển truyền đăng lục và Đạo giáo nguyên lưu, được giới nghiên cứu đánh giá là hai tác phẩm xuất sắc của ngài.



Cổng chùa Liên Phái, Hà Nội

a.1. Sách Thiền uyển truyền đăng lục được Hòa thượng Phúc Điền biên tập tại chùa Liên Phái (Hà Nội), gồm một bộ có tất cả 5 quyển: quyển thượng còn có tên là Đại Nam thiền uyển truyền đăng tập lục biên tập lại dựa vào Thiền uyển tập anh; ba quyển kế tiếp sao lại quyển Thiền uyển Kế đăng lục của Thiền sư Như Sơn, còn quyển hạ có tên là Thiền uyển kế đăng lục do chính Phúc Điền biên soạn. Nội dung của sách Thiền uyển kế đăng lục trình bày khái quát lịch sử phát triển của Phật giáo Việt Nam, thuật truyện của ba vị tổ Thiền phái Trúc Lâm đời Trần, ghi chép tình hình Phật giáo đương thời, trong đó nhấn mạnh đến sự truyền thừa của hai phái Tào Động và Lâm Tế, chép lại truyện một số danh tăng của các đời trước cùng những hoạt động trùng tu, sửa sang chùa chiền của một số vua quan... Lịch sử Phật giáo Việt Nam do Nguyễn Tài Thư chủ biên cho rằng "...Thiền uyển kế đăng lục có giá trị như một cuốn lịch sử, giúp ích nhiều cho việc tìm hiểu lịch sử Phật giáo Việt Nam trước đó cũng như tình hình sinh hoạt Phật giáo đương thời của nước ta"(3).

a.2. Sách Đạo giáo nguyên lưu, còn được gọi là Tam giáo Quán khuy lục (theo bài tựa do Nguyễn Đăng Giai viết) hay Tam giáo thông khảo (theo Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận) gồm ba quyển Thượng, Trung và Hạ, dày 549 trang, ngoài phần giải thích về nguồn gốc của ba thứ tôn giáo Nho, Thích, Lão đang thịnh hành thời bấy giờ ra, sách còn là phần hướng dẫn người sơ cơ nhập đạo, học chữ Hán, học giáo lý. Là một vị Thiền sư nên khi viết Đạo giáo nguyên lưu, ngài Phúc Điền tập trung vào tán dương công đức của Đức Phật, còn đạo Nho và đạo Lão chỉ là thứ yếu. Vì là các bài giảng được viết để phục vụ việc học tập trong lúc an cư của chư Tăng Ni đương thời, nội dung sách không được sắp xếp theo thứ tự thời gian hay chuyên mục nào; nhưng ngài Phúc Điền đã sử dụng nhiều tài liệu quý trong kinh điển đạo Phật cũng như kinh thư của đạo Nho, đạo Lão. Đặc biệt, ngài Phúc Điền có lập các bảng tra cứu ở cuối quyển Hạ cũng được xem là những tài liệu giúp ích rất nhiều cho việc giảng dạy và học tập chữ Hán, đặc biệt là các bảng Phạn Hoa danh nghĩa, Bảng tra chữ khó, Bảng quốc âm. Đạo Giáo Nguyên Lưu còn được coi là bộ sách nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam có niên đại sớm nhất mà chúng ta biết được. Hòa thượng Phúc Điền đã tập trung trình bày vấn đề Phật giáo du nhập vào Việt Nam bắt đầu từ thời Hùng Vương, đã sử dụng một hệ thống kinh Phật viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hết sức phong phú, lần lượt giới thiệu về các tông phái chính truyền pháp ở Việt Nam. Qua sách này, ta thấy ngài Phúc Điền chủ trương Tam giáo nhất nguyên nhưng Hòa thượng luôn quan niệm tam giáo chỉ là một. Đạo giáo nguyên lưu được xuất bản năm 1845 và đã được sử dụng làm sách giáo khoa trong các trường Phật học đương thời(4).

Có thể thấy Đạo giáo nguyên lưu là một đóng góp lớn cho lịch sử tư tưởng của người Việt từ thời lập quốc.

3. Văn chương và tư tưởng của đại sư An Thiên Phúc Điền

Qua việc tìm hiểu sơ lược hai tác phẩm quan trọng của ngài Phúc Điền, có thể thấy ngài là một nhà hoạt động, chú trọng việc giáo dục hàng hậu học. Điều này cũng dễ hiểu vì khi ngài bắt đầu có điều kiện để trước tác và ấn loát thì ngài đã 57 tuổi. Ngài trước tác với mục đích hoằng pháp và giáo dục, nhưng các trước tác còn lại của ngài hiện hầu hết được lưu trữ bằng Hán văn hoặc văn Nôm, chỉ có thể được phổ biến rộng rãi khi đã được dịch giải hoặc phiên âm, và đó là một nhu cầu cấp thiết để lớp hậu bối chúng ta có thể tiếp cận được tư tưởng và văn chương của ngài.

Nhìn chung, có thể thấy rằng ngài Phúc Điền vẫn tiếp thu tư tưởng Thiền học của các Thiền sư Việt Nam đời trước, có khuynh hướng dung hợp mọi tư tưởng nhưng luôn luôn lấy các giá trị từ bi, trí tuệ, giải thoát của Phật giáo làm xương sống.

Xét về thời đại, ngài Phúc Điền đã trưởng thành trong loạn lạc. Năm 1795, khi ngài bắt đầu cuộc sống tu tập thì triều đình Tây Sơn ở Phú Xuân đang rối ren cực độ, chỉ vài năm sau đã phải nhường vai trò lãnh đạo cho triều Nguyễn. Ngài thực sự trở thành một vị Tỳ kheo vào lúc vua Gia Long mới trị vì được hai năm. Mặc dù vua Gia Long tích cực ủng hộ Phật giáo, nhưng trong đời vua Gia Long ngay tại Huế, Phật giáo mới chỉ được coi là bắt đầu phục hồi chứ chưa

thể nói đến phát triển; hướng chi ngài Phúc Điền lại tu tập và hành đạo ở Bắc thành.

Năm 1835, khi ngài Phúc Điền vào Phú Xuân dự kỳ khảo hạch Tăng sĩ thì ngài cũng đã 52 tuổi. Ở tuổi đó, chấp nhận cuộc khảo hạch tại một nơi xa và thành công để được nhìn nhận là một vị Tăng có thẩm quyền hành đạo, giáo giới, truyền pháp... ngài Phúc Điền phải có một chí hướng lớn lao trên con đường hướng dẫn sinh linh đến chỗ an lạc giải thoát. Và công nghiệp của ngài trong suốt 28 năm còn lại từ lúc chính thức được cấp độ điệp đã chứng minh cho chí hướng ấy.

Hai mươi tám năm hành đạo của ngài Phúc Điền trải suốt ba đời vua gần đầu thời nhà Nguyễn là Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức.

Trong Phật giáo Việt Nam thời Minh Mạng, Nguyễn Duy Phương nhận xét, “Giai đoạn này có rất ít tác phẩm nghiên cứu triết lý Phật học ra đời, phần lớn là các bộ sách có tính biên tập lại các tác phẩm cũ, hệ thống hóa tư liệu và khảo cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam và thế giới. Về tư tưởng, quan điểm của các tác giả thời kì này cũng không có sự đột phá hay đổi mới đáng kể nào, tựu trung vẫn là tinh thần dung hợp các quan điểm của các học thuyết Phật, Lão, Nho đã có từ nhiều thế kỉ trước. Tăng sĩ là lực lượng chủ yếu biên soạn, khắc in kinh sách, chứ không thấy sự góp mặt của vua quan hay tầng lớp tri thức như các thời kì trước. Điều đó đã phần nào phản ánh sự trầm lắng trong đời sống học thuật của Phật giáo đương thời”. Nhận định này có thể đúng, nhưng về mặt tư tưởng, mặc dù chưa phát hiện những dẫn xuất rõ rệt, chúng ta cũng có thể cảm nhận rằng chính việc các tác phẩm như Đạo giáo nguyên lưu và Thiền uyển truyền đăng lục được lưu truyền trong các đạo tràng lớn thời bấy giờ đã góp phần tạo sự thăng hoa ở phong trào Chấn hưng Phật giáo vào thập niên 30 của thế kỷ XX.

Về mặt ngôn từ, chúng ta đọc lại nhận định của nhà nho Nguyễn Đăng Giai, một vị trọng thần triều Nguyễn, viết trong bài tựa Đạo giáo nguyên lưu mà ông gọi là Tam giáo quản khuy lục rằng “...tuy lời lẽ không mạch lạc lắm, tuy văn lý không được đẹp đẽ lắm, nhưng trích lục quần thư, sưu tập chúng kiến làm thành một sách, hợp với các cuốn ghi về nhân quả, cũng đủ là tài liệu quan trọng dùng hàng ngày của hai tông phái Thiền, Tịnh... Sách này xứng đáng được những kẻ hiền giả nơi cửa Phật đón đọc, cũng xứng đáng là cuốn sách của các cư sĩ thiện tu”(5).

Như trên đã nói, ngài Phúc Điền trước tác với mục đích hoằng pháp và giáo dục, hẳn là ngài không chú trọng quá đáng đến việc trau chuốt văn chương, nhất là như chúng ta đã biết, các tác phẩm của ngài có nhiều phần được gom góp lại từ những bài giảng trong các kỳ an cư, có thể văn phong của ngài thiếu tính nghệ thuật, nhưng hẳn đã làm lay động học giới Phật tử, nên đã được gìn giữ và truyền đến chúng ta.

4. Tạm kết

Việc tìm hiểu về tiểu sử hành trạng, tư tưởng và văn chương của đại sư An Thiên Phúc Điền cho phép ta hình dung trước mắt một vị lão tăng suốt đời tu hành, cặm cụi nghiên tâm kinh điển, miên mật hành trì với một chí nguyện lớn lao là đem những hiểu biết của mình đóng góp

cho sự an lạc của chúng dân vừa mới bắt đầu ổn định cuộc sống sau bao nhiêu năm loạn lạc thì đã thấy ở chân trời những đe dọa một cuộc xâm lược mới, lần này là của một thế lực mới có sức mạnh của công nghệ mới, điều mà người Việt chưa từng có kinh nghiệm. Tinh thần, thái độ nhập thế của thiền sư Phúc Điền là hết sức cụ thể. Không nề tuổi tác, ngài không từ nan bất kỳ công việc nào, đã tổ chức được cả một hệ thống ấn loát rộng khắp để phổ biến kinh sách Phật giáo, xây dựng được những giảng đường lớn để diễn giảng tư tưởng nhà Phật theo cái nhìn của Phật tử Việt Nam.

Có lẽ chí nguyện và tư tưởng của ngài đã được ngài gói ghém trong mấy câu thơ của bài kệ thị tịch mà chúng ta cần đọc lại thật kỹ:

Kệ thị tịch của Thiền sư Phúc Điền:

Âm: Các thuyết trần ngộ nhập

Dĩ ngộ hoạch viên thông

Đạo ngoại nguyên vô đạo

Không trung cánh bất không

Vu kim truyền chính pháp

Tự tích diễn chân tông

Dĩ vô sở đắc cố

Bất tại cá ngôn trung

Nghĩa: Các thuyết đều giải bày sự giác ngộ của mình

Lấy giác ngộ để đạt tới sự viên thông

Bên ngoài đạo thì vốn không có đạo

Trong không thì càng không phải là không

Như nay truyền bá chính pháp

Là kéo dài chân tông tự ngày xưa

Do vô mà thu được

Không phải là ở lời nói.

Vấn đề của hàng hậu bối chúng ta ngày nay là phải làm thế nào để thực sự tiếp cận, phát huy tư tưởng tâm huyết của thiền sư Phúc Điền, mà bài viết này là sự cố gắng ban đầu của chúng tôi.

TT.TS Thích Hạnh Tuệ & TS Thích Nữ Thanh Quế

Chú thích

1. Xem Thích Minh Tâm (1988), “Tìm hiểu lịch sử Phật giáo Việt Nam qua bản Đạo giáo nguyên lưu của Hòa thượng Phúc Điền”, Luận văn Thạc sĩ; Thích Minh Tín (2008), “Tìm hiểu thêm về Sa môn An Thiên”, Tạp chí Hán Nôm, số 1 (86); Nguyễn Duy Phương (2019), “Phật giáo Việt Nam thời Minh Mạng”, Luận án Tiến sĩ.
2. Xem Nguyễn Duy Phương (2019), “Phật giáo Việt Nam thời Minh Mạng”, Luận án Tiến sĩ.
3. Xem Nguyễn Duy Phương (2019), “Phật giáo Việt Nam thời Minh Mạng”, Luận án Tiến sĩ.

4. Xem Nguyễn Tuấn Cường (pháp danh Thích Minh Nghiêm) (2016) “Nghiên cứu tác phẩm Đạo Giáo Nguyên Lưu của Hòa thượng Phúc Điền”, Luận án Tiến sĩ.
5. Xem Nguyễn Duy Phương (2019), “Phật giáo Việt Nam thời Minh Mạng”, Luận án Tiến sĩ.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Mạnh Thát (2000) Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam tập 1, 2,3. Nxb Tổng hợp TP HCM
2. Nhiều tác giả (2005), Tổng tập Văn học Việt Nam 42 quyển. Nxb KHXH HN
3. Nhiều tác giả (2001) Tinh tuyển Văn học Việt Nam, 9 Nxb Văn học
- 4 Nguyễn Lang (2002), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Văn học
5. Thích Hạnh Tuệ (2018), Văn học Phật giáo Việt Nam, Nxb KHXH